**Nội dung ôn kiểm tra giữa kì HKII năm học 2021-2022**

1. **KHỐI 10**: Từ vựng gồm **bài 9 + 10**. **Thì** gồm HTĐ, HTTD, HTHT, QKĐ. **Viết câu** gồm **3 câu if/ unless/ wish** + **2 câu mệnh đề và cụm từ chỉ mục đích**

Đề KHỐI 10có 40 câu gồm 26 câu trắc nghiệm (6.0đ) + 14 câu tự luận (4.0 đ)

1-2. Ngữ âm (ed / s / es, ea/ o) – lấy những từ vựng trong giới hạn 2 bài 9, 10

3-4. Dấu nhấn (2, 3 âm) \_ lấy những từ vựng trong giới hạn 2 bài 9, 10

5-8. Tìm lỗi sai (giới từ, hòa hợp chủ vị, used to/be used to, so that/ so as to)

9-12. Đoạn văn đọc hiểu

13-14. CNGT

15-16. Từ đồng nghĩa theo 2 bài ôn tập

17-20. Thì dạng động từ trắc nghiệm: HTĐ, HTTD, HTHT, QKĐ

21-24. Trắc nghiệm (1 giới từ + 1 mạo từ + 1 cụm động từ + 1 từ nối + cấu trúc)

25-28. Từ loại tự luận (trong 2 bài 9, 10)

29-35. Từ vựng tự luận (N, Adj, V – cho 9 từ)

36-40. Viết câu (3 câu if/wish/ unless + 1 câu so that + 1 so as to – nối 2 câu đơn)

1. **KHỐI 11**: Từ vựng **gồm bài 10 + 11** (chỉ cho những từ trong phần reading và bài tập trọng tâm theo nội dung bài học). **Thì** gồm HTĐ, HTTD, HTHT, QKĐ, QKTD, QKHT. **Viết câu** gồm **3 câu MĐQH** + **2 câu both….and và not only …but also** + **1 câu so……that ⮀ such …..that**.

**Đề KHỐI 11** có 40 câu gồm 26 câu trắc nghiệm (6.5đ) + 14 câu tự luận (3.5 đ)

1-2. Ngữ âm (ed / s / es, ch/ c) – lấy những từ vựng trong giới hạn 2 bài 10, 11

3-4. Dấu nhấn (2, 3 âm) \_ lấy những từ vựng trong giới hạn 2 bài 10, 11

5-8. Tìm lỗi sai (giới từ, hòa hợp chủ vị, tường thuật, so…that/ such…that, MĐQH rút gọn)

9-12. Đoạn văn đọc hiểu

13-14. CNGT

15-16. Từ đồng nghĩa theo 2 bài ôn tập

17-20. Thì dạng động từ trắc nghiệm: HTĐ, HTTD, HTHT, QKĐ

21-24. Trắc nghiệm (1 giới từ + 1 mạo từ + 1 cụm động từ + 1 từ nối + cấu trúc)

25-28. Từ loại tự luận (trong 2 bài 10, 11)

29-34. Từ vựng tự luận (N, Adj, V – cho 8 từ)

35-40. Viết câu (3 câu MĐQH + 2 câu both….and và not only …but also + 1 câu so……that ⮀ such …..that)

1. **KHỐI 12**: Gồm **bài 10 + 11 + 12**. **Viết câu** gồm **2 câu mục đích** + **2 câu so……that ⮀ such …..that + so….that ⮀ too ….to**. Còn MĐQH dạng rút gọn, tường thuật, bị động, if/ wish, modal verb đưa vào phần trắc nghiệm hoàn thành câu hoặc chuyển đổi câu.

Câu 1: ngữ âm (ed/es/s)

Câu 2: ngữ âm (e/ ea/ o)

Câu 3: dấu nhấn (2 vần)

Câu 4: dấu nhấn (3 vần)

Câu 5-6: đồng nghĩa

Câu 7-8: trái nghĩa

Câu 9 –10: chức năng giao tiếp

Câu 11: sữa lỗi sai (bị động/ tường thuật)

Câu 12: sữa lỗi sai (MĐQH)

Câu 13: sữa lỗi sai (cấu trúc song song)

Câu 14-18: Đoạn văn đọc hiểu

Câu 19: chuyển đổi câu TN (bị động đặc biệt)

Câu 20: chuyển đổi câu TN (tường thuật V-ing)

Câu 21: chuyển đổi câu TN (if/ wish)

Câu 22: tổng hợp (giới từ)

Câu 23, 24: tổng hợp (từ vựng – danh từ)

Câu 25: tổng hợp (dạng động từ)

Câu 26: tổng hợp (từ vựng – động từ)

Câu 27: tổng hợp (từ vựng – tính từ)

Câu 28: tổng hợp (hoà hợp S+V)

Câu 29: tổng hợp (so sánh kép)

Câu 30: tổng hợp (thì của động từ)

Câu 31: tổng hợp (danh từ)

Câu 32: tổng hợp (cụm động từ)

Câu 33-36: Từ loại tự luận (unit 10, 11, 12)

Câu 37-40: Viết câu – 2 câu mục đích + 1 câu so……that ⮀ such …..that + 1 so….that ⮀ too ….to